TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 397/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số: 048083000861 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021.

Nơi cư trú: Tổ 11 phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 129 phường N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985.

Căn cước số: 048185000599 do Bộ Công an cấp ngày 20/3/2025.

Nơi cư trú: Tổ 11 phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 129 phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 2008, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, sống chung với cha mẹ chồng cũng có lời qua tiếng lại dẫn đến mâu thuẫn không thể dàn xếp được, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Do

mâu thuẩn xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai có trách nhiệm với nhau. Nay ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày: 31/5/2009 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 31/12/2010. Thuận tình ly hôn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2026 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00005818 ngày 20/11/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01 ngày 16/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T việc nuôi con chung như sau:

Giao cả hai con chung Trần Gia B, sinh ngày: 31/5/2009 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 31/12/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2026 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên

đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00005818 ngày 20/11/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường A, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết